

Số: 902 /QĐ-ĐHSPTTW

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Đề án tuyển sinh
của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

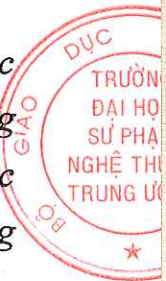
Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Công văn số 1976/BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát, cung cấp và bổ sung thông tin tuyển sinh các hình thức đào tạo của trình độ đại học; trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHSPTTW-HĐT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương;



Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-ĐHSPNTTW-HĐT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương;

Xét đề nghị của Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương năm 2024 (Có Đề án kèm theo).

Điều 2: Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác đào tạo, các đơn vị thuộc Trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Đề án được phê duyệt theo Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 2;
- Website Trường;
- Lưu VT, TTTS&HTĐT (25). *ks*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**



[Handwritten signature]
PGS. TS Lê Vinh Hưng



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 902 /QĐ-ĐHSPNTTW ngày 27 tháng 5 năm 2024
của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Mã trường:** GNT
- Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):** Số 18, ngõ 55, Đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:** <http://www.spnttw.edu.vn>
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo**
 - <http://www.spnttw.edu.vn>
 - <https://www.facebook.com/groups/251972628158480>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02462.516.416 - 0947.392.229.
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**
 - Được thực hiện công khai việc trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://www.spnttw.edu.vn/document.aspx?sitepageid=640&id=21823>
 - Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên					
Sư phạm âm nhạc	Đại học	346	328	149	100%
Sư phạm mỹ thuật	Đại học	320	222	167	100%
Nghệ thuật					
Hội họa	Đại học	20	20		
Thanh nhạc	Đại học	70	36	23	100%

Piano	Đại học	30	24	12	100%
Diễn viên Kịch, Điện ảnh - Truyền hình	Đại học	80	41	15	100%
Thiết kế đồ họa	Đại học	220	181	99	100%
Thiết kế thời trang	Đại học	120	108	29	98%
Sản xuất và chế biến					
Công nghệ Dệt, May	Đại học	100	23	4	97%
Nhân văn					
Quản lý văn hoá	Đại học	160	88	15	95%
Dịch vụ xã hội					
Công tác xã hội	Đại học	80	21		
Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân					
Du lịch	Đại học	120	79		
Tổng		1666	1171		99%

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất được thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

- <http://www.spnttw.edu.vn/articleDetail.aspx?articleid=27347&sitepageid=677>

- <http://tuyensinh.spnttw.edu.vn/articleDetail.aspx?articleid=10717&sitepageid=655>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Nhóm ngành/ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm TT
Nhóm ngành I						
- Ngành SP Âm nhạc	480			346		
ĐHSP Âm nhạc (N00)		323	32.5		328	32.5
ĐHSP Âm nhạc MN (N00)						
- Ngành SP Mỹ thuật	320			320		
ĐHSP Mỹ thuật (H00)		188	32.5		222	33.0
ĐHSP Mỹ thuật MN (H00)						

Nhóm ngành II						
- Thanh nhạc (N00)	70	61	31.0	70	36	36.0
- Piano (N00)	30	28	31.0	30	24	37.0
- DV kịch-điện ảnh (S00)	80	45	21.0	80	41	28.0
- Thiết kế đồ họa (H00)	220	205	35.0	220	181	38.0
- Thiết kế thời trang (H00)	120	95	31.0	120	108	35.5
- Hội họa (H00)	20	23	33.0	20	20	36.0
Nhóm ngành V						
- Công nghệ May + Tổ hợp H00 + Tổ hợp A00 + Tổ hợp D01	100	14	29.0 18.0 18.0	100	23	32.0 18.0 18.0
Nhóm ngành VII						
- Quản lý văn hóa + Tổ hợp N00 + Tổ hợp H00 + Tổ hợp R00 + Tổ hợp C00	160	90	29.0 18.0 18.0	160	88	30.0 30.0 18.0
- Công tác xã hội + Tổ hợp C00 + Tổ hợp C03 + Tổ hợp C04 + Tổ hợp D01	80	19	18.0	80	21	18.0
- Du lịch + Tổ hợp C00 + Tổ hợp C03 + Tổ hợp C04 + Tổ hợp D01	120	69	18.0	120	79	18.0
Tổng	1800	1160		1666	1171	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo thực hiện công trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

<http://www.spnttw.edu.vn/content.aspx?sitepageid=661>

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Mỹ thuật ứng dụng	8210410	402/QĐ-BGDĐT	27/01/2022			Bộ GDĐT	2022	2023
2	Piano	7210208	3138/QĐ-BGDĐT	26/08/2015	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2015	2023
3	Công nghệ dệt, may	7540204	2301/QĐ-BGDĐT	10/07/2017	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2017	2023
4	Công tác xã hội	7760101	2708/QĐ-BGDĐT	03/09/2019			Bộ GDĐT	2020	2023
5	Văn hóa học	9229040	401/QĐ-BGDĐT	27/01/2022			Bộ GDĐT	2022	2023
6	Hội họa	7210103	2919/QĐ-BGDĐT	14/04/2013	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2013	2023
7	Sư phạm âm nhạc	7140221	5798/QĐ-BGDĐT	16/10/2006	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2006	2023
8	Thiết kế thời trang	7210404	1208/QĐ-BGDĐT	09/03/2007	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2007	2023
9	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	8140111	3192/QĐ-BGDĐT	27/08/2015	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2015	2023
10	Quản lý văn hoá	7229042	1208/QĐ-BGDĐT	09/03/2007	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2007	2023
11	Quản lý văn hóa	8229042	3456/QĐ-BGDĐT	30/08/2013	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2013	2023
12	Du lịch	7810101	4626/QĐ-BGDĐT	02/12/2019			Bộ GDĐT	2019	2023
13	Diễn viên Kịch, Điện ảnh - Truyền hình	7210234	3138/QĐ-BGDĐT	26/08/2015	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2015	2023

14	Thiết kế đồ họa	7210403	2919/QĐ-BGDĐT	14/04/2013	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2013	2023
15	Thanh nhạc	7210205	2767/QĐ-BGDĐT	31/07/2013	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2013	2023
16	Sư phạm mỹ thuật	7140222	5798/QĐ-BGDĐT	16/10/2006	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2006	2023
17	Lý luận và phương pháp dạy học	9140110	317/QĐ-BGDĐT	30/01/2015	1164	27/03/2018	Bộ GDĐT	2015	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng được thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo qua đường link:
<http://tuyensinh.spntw.edu.vn/article/detail.aspx?sitepageid=1763&articleid=10719>

11. Đề án tuyển sinh được thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo qua đường link:
<http://tuyensinh.spntw.edu.vn/article/detail.aspx?sitepageid=1763&articleid=10720>

12. Quy chế tuyển sinh được thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo qua đường link:
<http://tuyensinh.spntw.edu.vn/article/detail.aspx?articleid=10713&sitepageid=575>

13. Quy chế thi tuyển sinh được thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo qua đường link:
<http://tuyensinh.spntw.edu.vn/article/detail.aspx?articleid=10713&sitepageid=575>

14. Đề án tổ chức thi được thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo qua đường link:
<http://tuyensinh.spntw.edu.vn/article/detail.aspx?sitepageid=1763&articleid=10729>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh đại học chính quy

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thí sinh dự thi đủ sức khoẻ học tập theo Thông tư Liên Bộ số 10/TTLB ngày 18/8/1989 của Liên Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề - Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khoẻ của học sinh, sinh viên trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh

1.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

- Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương thuộc các đối tượng được tuyển thẳng vào đại học hệ chính quy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với các ngành nghệ thuật, ngoài các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có quy định riêng về năng khiếu cho từng ngành.

- Danh mục ngành tuyển thẳng:

Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Xét tuyển thẳng	
		Nguyên tắc	Điều kiện
Quản lý văn hóa	7229042	<ul style="list-style-type: none"> Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đạt giải theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, thời gian đạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp trung học phổ thông được xét tuyển thẳng vào trường theo ngành phù hợp với giải thi. Điểm môn văn hóa trong tờ hợp xét tuyển đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ và cuộc thi học sinh giỏi từ cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên. Thí sinh là học sinh giỏi 3 năm bậc THPT, đồng thời cả 3 môn trong tờ hợp xét tuyển đạt từ 8.0 trở lên. Có chứng chỉ tiếng Anh đạt IELTS 5.5, TOEIC 701, TOEFL 520 trở lên, hoặc chứng chỉ quốc tế tiếng Nhật, Hàn, Trung... đạt điểm tương đương. Đồng thời 02 môn văn hóa trong tờ hợp đạt từ 8,5 điểm/môn trở lên (xét học bạ hoặc điểm thi trung học phổ thông).
Công nghệ may	7540204		
Công tác xã hội	7760101		
Du lịch	7810101		
Sư phạm âm nhạc	7140221		<ul style="list-style-type: none"> Đạt các giải cá nhân về âm nhạc cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.
Sư phạm âm nhạc mầm non			

Piano	7210208	- Thí sinh được đăng ký vào nhiều ngành/ chuyên ngành khác nhau không hạn chế số lượng.	Đạt giải piano cá nhân cấp quốc gia, quốc tế - Đạt giải thanh nhạc cá nhân cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên. - Đạt giải cá nhân về thanh nhạc tại các cuộc thi Giai điệu tuổi hồng cấp quốc gia (<i>Không tính giải tập thể hoặc các giải thường khác của cuộc thi</i>)
Thanh nhạc	7210205		
Diễn viên Kịch - Điện ảnh	7210234		Đạt giải Kịch, Điện ảnh cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.
Sư phạm Mỹ thuật	7140222		Đạt các giải cá nhân về lĩnh vực mỹ thuật cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.
Sư phạm Mỹ thuật mầm non			
Hội họa	7210103		
Thiết kế đồ họa	7210403		

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ tháng 03/2024 đến 17h00 ngày 30/5/2024 bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

- Công bố kết quả tuyển thẳng: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương gửi kết quả tuyển thẳng cho thí sinh hoặc thí sinh có thể tra cứu kết quả trên website của Trường.

1.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển

- Thí sinh lựa chọn một trong hai hình thức sau:

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông: Điểm môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo tổ hợp 3 môn thi tương ứng với ngành đăng ký.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học bạ trung học phổ thông: Điểm môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm trung bình cộng của 3 năm bậc trung học phổ thông theo tổ hợp 3 môn tương ứng với ngành đăng ký.

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển lấy từ cao xuống thấp.

- Danh mục ngành xét tuyển

Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Nguyên tắc	Điều kiện
Quản lý văn hóa	7229042	C00	- Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thí sinh được đăng ký vào nhiều ngành/chuyên ngành khác nhau theo tổ hợp đăng ký, không hạn chế số lượng.	- <i>Xét tuyển học bạ THPT:</i> Điểm môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm trung bình cộng của 3 năm bậc THPT đạt từ 5,0 trở lên. - <i>Xét tuyển điểm THPTQG:</i> Điểm môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 5,0 trở lên.
Công nghệ may	7540204	A00 D00		
Công tác xã hội	7760101	C00 C03 C04		
Du lịch	7810101	D00		

1.3.3 Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp với thi tuyển

1.3.3.1. Xét tuyển môn văn hóa

- Điểm trung bình chung môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển của 3 năm học bậc trung học phổ thông hoặc điểm môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu đạt 5.0 trở lên.

- Riêng khối ngành sư phạm, điểm trung bình chung môn Ngữ văn của 3 năm học bậc trung học phổ thông tối thiểu đạt 6.5 và phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp trung học phổ thông từ 6.5 trở lên; trường hợp thí sinh dự thi có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9.0 trở lên theo thang điểm 10.0) thì điểm trung bình cộng môn Ngữ văn của 3 năm học bậc trung học phổ thông tối thiểu đạt 5.0 trở lên. Đối với thí sinh sử dụng điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia thực hiện theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định.

1.3.3.2. Thi tuyển các môn năng khiếu

Ngành	Mã tổ hợp	Môn xét tuyển	Môn thi tuyển
Sư phạm Âm nhạc	N00	Ngữ văn	Kiến thức âm nhạc cơ bản
Sư phạm Âm nhạc mầm non			
Quản lý văn hóa			
Thanh nhạc			
Piano			Thanh nhạc - Nhạc cụ
Sư phạm Mỹ thuật	H00	Ngữ văn	Hình họa
Sư phạm Mỹ thuật mầm non			
Thiết kế thời trang			
Thiết kế đồ họa			
Hội họa			
Công nghệ May			
Quản lý văn hóa			
Diễn viên Kịch - Điện ảnh			
Quản lý văn hóa	R00	Ngữ văn, Lịch sử	Hình thể và Tiếng nói Diễn xuất
			Năng khiếu nghệ thuật (Đàn/hát/múa/tiểu phẩm kịch/ hùng biện...)

2. Tuyển sinh đại học liên thông chính quy

2.1. Xét tuyển hồ sơ

- Đối tượng: Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo.

- Hướng dẫn xét tuyển:

Ngành đào tạo	Mã ngành	Hướng dẫn xét tuyển (Áp dụng đối với tất cả các ngành)		
		Nội dung	Hình thức xét	
Sư phạm Âm nhạc	7140221	Bảng điểm có điểm TBC toàn khóa theo cả 2 thang điểm (thang điểm 10 và thang điểm 4)	Lấy theo thang điểm 10	
Sư phạm Mỹ thuật	7140222	Bảng điểm TBC toàn khóa chỉ có thang điểm 4	Lấy theo thang điểm 4, có kết quả từ 2.0 điểm trở lên; tính TBC năm học theo công thức tính chỉ.	
Thiết kế đồ họa	7210403	Bảng điểm chỉ có điểm môn học và điểm môn thi tốt nghiệp, không có điểm tổng kết năm học, không có điểm TBC toàn khóa.	Lấy điểm trung bình của điểm môn thi tốt nghiệp, có kết quả từ 5.0 trở lên.	
Thiết kế thời trang	7210404	Bảng điểm có điểm tổng kết năm học, không có điểm TBC toàn khóa, không có điểm tốt nghiệp	Lấy điểm TBC của 3 năm, có kết quả từ 5.0 trở lên.	
Diễn viên Kịch - Điện ảnh	7210234	Trường hợp thí sinh mất bảng điểm	Xét điểm theo căn dưới của xếp loại trên Bảng tốt nghiệp được cấp của thí sinh.	
Quản lý văn hóa	7229042	Từ 9 đến 10: Xuất sắc Từ 8 đến cận 9: Giỏi Từ 7 đến cận 8: Khá Từ 6 đến cận 7: Trung bình khá Từ 5 đến cận 6: Trung bình		
Du lịch	7810101			

2.2. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

- Đối tượng: Người đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển.
- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển hồ sơ kết hợp thi đánh giá năng lực.

3. Thời gian nhận hồ sơ và tuyển sinh

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 01/03/2024 đến 17h00 ngày 30/6/2024.
- Thời gian tập trung thí sinh làm thủ tục dự thi năng khiếu: Ngày 10/7/2024.
- Thời gian tổ chức thi năng khiếu: Ngày 11, 12/7/2024.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo)

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Đại học	7140221	Sư phạm âm nhạc/ Sư phạm âm nhạc mầm non	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	400	N00	1. Ngữ văn; 2. KTAN cơ bản; 3. Thanh nhạc - nhạc cụ						
2	Đại học	7210205	Thanh nhạc	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	70	N00	1. Ngữ văn; 2. KTAN cơ bản; 3. Thanh nhạc.						

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
3	Đại học	7210208	Piano	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	30	N00	1. Ngữ văn; 2. KTAN cơ bản; 3. Piano.						
4	Đại học	7140222	Su phạm mỹ thuật / Su phạm mỹ thuật mầm non	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	320	H00	1. Ngữ văn; 2. Hình họa; 3. Vẽ màu.						
5	Đại học	7210404	Thiết kế thời trang	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	120	H00	1. Ngữ văn; 2. Hình họa; 3. Vẽ màu.						
6	Đại học	7210403	Thiết kế đồ họa	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	250	H00	1. Ngữ văn; 2. Hình họa; 3. Vẽ màu.						

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
7	Đại học	7210103	Hội họa	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	20	H00	1. Ngữ văn; 2. Hình họa; 3. Vẽ màu.						
8	Đại học	7540204	Công nghệ may	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	60	H00	1. Ngữ văn; 2. Hình họa; 3. Vẽ màu.	D01	1. Ngữ văn; 2. Toán; 3. Tiếng Anh.	A00	1. Toán; 2. Vật lý; 3. Hóa học.		
9	Đại học	7229042	Quản lý văn hóa / Chuyên ngành Quản lý văn hóa nghệ thuật, Quản lý văn hóa du lịch	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	100	C00	1. Ngữ văn; 2. Lịch sử; 3. Địa lý.	N00	1. Ngữ văn; 2. KTAN cơ bản; 3. Thanh nhạc - nhạc cụ.	H00	1. Ngữ văn; 2. Hình họa; 3. Vẽ màu.	R00	1. Ngữ văn; 2. Lịch sử; 3. Năng khiếu nghệ thuật.
10	Đại học	7760101	Công tác xã hội	500	Xét tuyển	60	C00	1. Ngữ văn; 2. Lịch sử; 3. Địa lý.	C03	1. Ngữ văn; 2. Toán; 3. Lịch sử.	C04	1. Ngữ văn; 2. Toán; 3. Địa lý.	D00	1. Ngữ văn; 2. Toán; 3. Ngoại ngữ.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
11	Đại học	7810101	Du lịch	500	Xét tuyển	120	C00	1. Ngữ văn; 2. Lịch sử; 3. Địa lý.	C03	1. Ngữ văn; 2. Toán; 3. Lịch sử.	C04	1. Ngữ văn; 2. Toán; 3. Địa lý.	D00	1. Ngữ văn; 2. Toán; 3. Ngoại ngữ.
12	Đại học	7210234	Diễn viên Kịch - Điện ảnh	500	Xét tuyển kết hợp thi tuyển	80	S00	1. Ngữ văn; 2. Hình thể và tiếng nói; 3. Diễn xuất.						

5. Ngưỡng đầu vào

- Thí sinh được xét trúng tuyển khi đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Điểm trung bình chung môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển của 3 năm học bậc trung học phổ thông hoặc điểm môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu đạt 5.0 trở lên.
- Riêng khối ngành sư phạm, điểm trung bình chung môn Ngữ văn của 3 năm học bậc trung học phổ thông tối thiểu đạt 6.5 và phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp trung học phổ thông từ 6.5 trở lên; trường hợp thí sinh dự thi có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9.0 trở lên theo thang điểm 10.0) thì điểm trung bình cộng môn Ngữ văn của 3 năm học bậc trung học phổ thông tối thiểu đạt 5.0 trở lên. Đối với thí sinh sử dụng điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia thực hiện theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định.

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

- Ký hiệu trường: GNT; Địa chỉ: Số 18 ngõ 55, Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội; ĐT: 02462.516.416 - 0947.392.229.

- Website: <http://www.spntw.edu.vn>.

- Thông tin tuyển sinh đại học, sau đại học năm 2024 như sau:

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024 (DỰ KIẾN)

3. Thông tin tuyển sinh

STT	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
A	Trình độ đại học chính quy		1670	
1	Sư phạm Âm nhạc	7140221	400	
2	Chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc mầm non			
3	Thanh nhạc	7210205	70	
4	Piano	7210208	30	
5	Sư phạm Mỹ thuật			
6	Chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật mầm non	7140222	320	
7	Hội họa	7210103	20	
8	Thiết kế đồ họa	7210403	250	
9	Thiết kế thời trang	7210404	120	

STT	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
10	Công nghệ May	7540204	60	
11	Quản lý văn hóa			
12	Chuyên ngành Quản lý văn hóa nghệ thuật	7229042	160	
13	Chuyên ngành Quản lý văn hóa du lịch			
14	Diễn viên Kịch - Điện ảnh	7210234	80	
15	Công tác xã hội	7760101	60	
16	Du lịch	7810101	100	
B	Trình độ đại học liên thông chính quy		330	
1	Sư phạm Âm nhạc	7140221	60	
2	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	60	
3	Thiết kế Đồ họa	7229042	50	
4	Thiết kế Thời trang	7210404	50	
5	Diễn viên Kịch - Điện ảnh	7210234	30	
6	Quản lý văn hóa	7210403	50	
7	Du lịch	7810101	30	

1. Tuyển sinh đại học chính quy

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thí sinh dự thi đủ sức khoẻ học tập theo Thông tư Liên Bộ số 10/TTLB ngày 18/8/1989 của Liên Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề - Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khoẻ của học sinh, sinh viên trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh

1.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

- Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương thuộc các đối tượng được tuyển thẳng vào đại học hệ chính quy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với các ngành nghệ thuật, ngoài các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có quy định riêng về năng khiếu cho từng ngành.

- Danh mục ngành tuyển thẳng:

Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Xét tuyển thẳng	
		Nguyên tắc	Điều kiện
Quản lý văn hóa	7229042	- Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thí sinh đạt giải theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, thời gian đạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp trung học phổ	- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ và cuộc thi học sinh giỏi từ cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên. - Thí sinh là học sinh giỏi 3 năm bậc THPT, đồng thời cả 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 8.0 trở lên.
Công nghệ may	7540204		
Công tác xã hội	7760101		- Có chứng chỉ tiếng Anh đạt IELTS 5.5, TOEIC 701, TOEFL 520 trở lên, hoặc chứng chỉ quốc tế

Du lịch	7810101	thông được xét tuyển thẳng vào trường theo ngành phù hợp với giải thi.	tiếng Nhật, Hàn, Trung... đạt điểm tương đương. Đồng thời 02 môn văn hóa trong tổ hợp đạt từ 8,5 điểm/môn trở lên (xét học bạ hoặc điểm thi trung học phổ thông).
Sư phạm âm nhạc	7140221	- Điểm môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định.	Đạt các giải cá nhân về âm nhạc cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.
Sư phạm âm nhạc mầm non	7210208	- Thí sinh được đăng ký vào nhiều ngành/ chuyên ngành khác nhau không hạn chế số lượng.	Đạt giải piano cá nhân cấp quốc gia, quốc tế
Piano	7210205		- Đạt giải thanh nhạc cá nhân cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên. - Đạt giải cá nhân về thanh nhạc tại các cuộc thi Giải điệu tuổi hồng cấp quốc gia (<i>Không tính giải tập thể hoặc các giải thưởng khác của cuộc thi</i>)
Thanh nhạc	7210234		Đạt giải Kịch, Điện ảnh cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.
Diễn viên Kịch - Điện ảnh	7140222		Đạt các giải cá nhân về lĩnh vực mỹ thuật cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.
Sư phạm Mỹ thuật	7210103		
Sư phạm Mỹ thuật mầm non	7210403		
Hội họa			
Thiết kế đồ họa			

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ tháng 03/2024 đến 17h00 ngày 30/5/2024 bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

- Công bố kết quả tuyển thẳng: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương gửi kết quả tuyển thẳng cho thí sinh hoặc thí sinh có thể tra cứu kết quả trên website của Trường.

1.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển

- Thí sinh lựa chọn một trong hai hình thức sau:

- + Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông: Điểm môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo tổ hợp 3 môn thi tương ứng với ngành đăng ký.
- + Xét tuyển dựa vào kết quả học bạ trung học phổ thông: Điểm môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm trung bình cộng của 3 năm bậc trung học phổ thông theo tổ hợp 3 môn tương ứng với ngành đăng ký.

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển lấy từ cao xuống thấp.

- Danh mục ngành xét tuyển

Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Nguyên tắc	Điều kiện
Quản lý văn hóa	7229042	C00	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thí sinh được đăng ký vào nhiều ngành/chuyên ngành khác nhau theo tổ hợp đăng ký, không hạn chế số lượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Xét tuyển học bạ THPT:</i> Điểm môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm trung bình cộng của 3 năm bậc THPT đạt từ 5,0 trở lên. - <i>Xét tuyển điểm THPTQG:</i> Điểm môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 5,0 trở lên.
Công nghệ may	7540204	A00 D00		
Công tác xã hội	7760101	C00 C03 C04		
Du lịch	7810101	D00		

1.3.3. Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp với thi tuyển

1.3.3.1. Xét tuyển môn văn hóa

- Điểm trung bình chung môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển của 3 năm học bậc trung học phổ thông hoặc điểm môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu đạt 5.0 trở lên.

- Riêng khối ngành sư phạm, điểm trung bình chung môn Ngữ văn của 3 năm học bậc trung học phổ thông tối thiểu đạt 6.5 và phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp trung học phổ thông từ 6.5 trở lên; trường hợp thí sinh dự thi có

điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9.0 trở lên theo thang điểm 10.0) thì điểm trung bình cộng môn Ngữ văn của 3 năm học bậc trung học phổ thông tối thiểu đạt 5.0 trở lên. Đối với thí sinh sử dụng điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia thực hiện theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định.

1.3.2. Thi tuyển các môn năng khiếu

Ngành	Mã tổ hợp	Môn xét tuyển	Môn thi tuyển				
Sư phạm Âm nhạc	N00	Ngữ văn	Kiến thức âm nhạc cơ bản				
Sư phạm Âm nhạc mầm non							
Quản lý văn hóa							
Thanh nhạc							
Piano			Thanh nhạc - Nhạc cụ				
Sư phạm Mỹ thuật	H00	Ngữ văn	Hình họa				
Sư phạm Mỹ thuật mầm non							
Thiết kế thời trang							
Thiết kế đồ họa							
Hội họa							
Công nghệ May							
Quản lý văn hóa							
Diễn viên Kịch - Điện ảnh				S00	Ngữ văn	Hình thể và Tiếng nói	Diễn xuất
Quản lý văn hóa				R00	Ngữ văn, Lịch sử	Năng khiếu nghệ thuật (Đàn/hát/múa/tiểu phẩm kịch/ hùng biện...)	

2. Tuyển sinh đại học liên thông chính quy

2.1. Xét tuyển hồ sơ

- Đối tượng: Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo.

- Hướng dẫn xét tuyển:

Ngành đào tạo	Mã ngành	Hướng dẫn xét tuyển (Áp dụng đối với tất cả các ngành)		
		Bảng điểm của thí sinh học theo hình thức tín chỉ	Nội dung	Hình thức xét
Sư phạm Âm nhạc	7140221	Bảng điểm có điểm TBC toàn khóa theo cả 2 thang điểm (thang điểm 10 và thang điểm 4)	Bảng điểm có điểm TBC toàn khóa chỉ có thang điểm 4	Lấy theo thang điểm 10
Sư phạm Mỹ thuật	7140222	Bảng điểm của thí sinh học theo hình thức tín chỉ	Bảng điểm chỉ có điểm môn học và điểm môn thi tốt nghiệp, không có điểm tổng kết năm học, không có điểm TBC toàn khóa.	Lấy theo thang điểm 4, có kết quả từ 2.0 điểm trở lên; tính TBC năm học theo công thức tín chỉ.
Thiết kế đồ họa	7210403	Bảng điểm của thí sinh học theo niên chế	Bảng điểm có điểm tổng kết năm học, không có điểm TBC toàn khóa	Lấy điểm trung bình của điểm môn thi tốt nghiệp, có kết quả từ 5.0 trở lên.
Thiết kế thời trang	7210404	Trường hợp thí sinh mất bảng điểm	Bảng điểm có điểm tổng kết năm học, không có điểm TBC toàn khóa, không có điểm tốt nghiệp	Lấy điểm TBC của 3 năm, có kết quả từ 5.0 trở lên.
Diễn viên Kịch - Điện ảnh	7210234		Từ 9 đến 10: Xuất sắc Từ 8 đến cận 9: Giỏi Từ 7 đến cận 8: Khá Từ 6 đến cận 7: Trung bình khá Từ 5 đến cận 6: Trung bình	Xét điểm theo cận dưới của xếp loại trên Bảng tốt nghiệp được cấp của thí sinh.
Quản lý văn hóa	7229042			
Du lịch	7810101			

2.2. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

- Đối tượng: Người đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển.
- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển hồ sơ kết hợp thi đánh giá năng lực.

3. Thời gian nhận hồ sơ và tuyển sinh

- ### 3.1. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký dự thi và lệ phí tuyển sinh (tất cả các phương thức gồm tuyển thẳng; xét tuyển; xét tuyển kết hợp với thi tuyển).
- Từ ngày 01/3/2024 đến hết 17h00 ngày 30/6/2024 tại Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương hoặc gửi về Trường qua đường bưu điện.

- Hồ sơ dự thi theo mẫu quy định của Nhà trường. Thí sinh đăng ký ghi danh trực tuyến tại trên website của Nhà trường, sau khi ghi danh thành công, in phiếu và nộp hồ sơ về trường theo quy định. Thí sinh cần theo dõi các thông tin chi tiết hướng dẫn, cập nhật những thông tin mới nhất về tuyển sinh trên Website của Trường.

3.2. Thời gian thi tuyển

- Ngày 10/7/2024: Tập trung thí sinh, làm thủ tục dự thi (đối với phương thức xét tuyển kết hợp với thi tuyển).
- Ngày 11, 12/7/2024: Tổ chức thi tuyển các môn năng khiếu (đối với phương thức xét tuyển kết hợp với thi tuyển).

3.3. Thông tin liên hệ

- Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, số 18 ngõ 55, Đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02462.516.416; Hotline: 0947.392.229/ 0398.279.096.

- Website: <http://www.spnttw.edu.vn>

Email: tuyensinh@spnttw.edu.vn.

- Thông tin tuyển sinh đại học năm 2024 được cập nhật thường xuyên trên Website và Facebook của nhà Trường.

4. **Chính sách ưu tiên:** Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành.

5. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí tuyển sinh xét tuyển/xét tuyển thẳng: 50.000đ/ngành (hoặc chuyên ngành).

- Lệ phí xét tuyển - thi tuyển năng khiếu: 400.000đ/ngành (hoặc chuyên ngành). Thí sinh đăng ký từ ngành/chuyên ngành thứ 2 trở đi, cộng thêm 200.000đ/ngành (hoặc chuyên ngành).

- Lệ phí hồ sơ, chuyển phát nhanh gửi giấy báo trúng tuyển: 50.000đ.

6. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Lộ trình học phí căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thi, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
ĐVT: đồng chẵn/tháng/sinh viên

Trình độ đào tạo	Lĩnh vực	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
Đại học	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.250.000	1.410.000
	Khối ngành II: Nghệ thuật	1.250.000	1.350.000
	Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.450.000	1.640.000
	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường.	1.200.000	1.500.000
Cao học	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.875.000	2.115.000
	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường.	1.800.000	2.250.000
	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	3.125.000	3.525.000
Nghiên cứu sinh	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường.	3.000.000	3.750.000

7. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

8. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

9. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

9.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo

9.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

10. Tài chính

10.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của Trường năm 2023: 41.073 triệu đồng.

10.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 16.6 triệu đồng.

CÁN BỘ KÊ KHAI

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Trần Danh Toàn
0982463458

Email: trandanhtoan@spnttw.edu.vn

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



PGS.TS Lê Vinh Hưng